

KHẢO VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀ CÔNG CUỘC KHẮN HOANG, LẬP LÀNG QUA CÁC ĐỊA DANH Ở CÙ LAO DUNG

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG*

Ở Cù Lao Dung có những địa danh phản ánh điển thể tự nhiên, có những địa danh phản ánh quá trình xác lập cộng đồng xã hội. Khai thác nguồn tài liệu có tính cách địa danh học lịch sử này, đồng thời tham khảo với những nguồn sử liệu khác, chúng tôi nhận thấy giữa đất và người Cù Lao Dung có sự tương đồng rất đáng chú ý về cơ chế hình thành và biến đổi.

Từ khóa: Cù Lao Dung, địa danh, địa lý tự nhiên, lịch sử

Nhận bài ngày: 2/2/2017; đưa vào biên tập: 25/3/2018; phản biện: 30/3/2018; duyệt đăng: 20/4/2018

1. DẪN NHẬP

Cù Lao Dung nằm giữa giang phận hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh, vùng đất này được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (năm 1757). Lịch sử Cù Lao Dung, vì thế, là câu chuyện của nhiều lớp người nên những sự thuật lại về sau khó tránh khỏi việc bị cải biên, thêm thắt. Trong khi đó nguồn sử liệu trực tiếp (vật thực, gia phả, sắc phong, bia ký, địa bạ) không đủ để nhận diện quá

trình hình thành, biến đổi của cộng đồng dân cư này một cách toàn vẹn. Vào trung tuần tháng 3, tháng 7, tháng 10 năm 2016, chúng tôi đã tiến hành ba cuộc khảo sát hệ thống địa danh trên địa bàn Cù Lao Dung, với kỳ vọng lượng thông tin phản ánh địa hình, địa vật, sản vật, nhân vật thu thập được từ tên gọi các địa danh và đi kèm với chúng là những sự kiện, câu chuyện cuộc đời, hoạt động kinh tế, nếp sinh hoạt văn hóa của người dân, sẽ là một nguồn sử liệu mới, giúp bổ khuyết vào những điểm yếu của sử liệu truyền thống.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA CÁC CUỘC KHẢO SÁT

Về mặt khái niệm, hiểu theo Hán tự, từ “địa danh” có nghĩa là “tên đất”. Còn trong tiếng Anh, thuật ngữ “địa danh” (toponyms) bắt nguồn từ sự kết hợp hai khái niệm “topos” (vị trí địa lý) và “anyma” (tên gọi) của tiếng Hy Lạp, thường được dịch là “tên gọi điểm địa lý”.

Cho rằng những cách định nghĩa như thế về địa danh là hẹp so với yêu cầu làm đối tượng nghiên cứu của cả một ngành khoa học (địa danh học), nên các nhà nghiên cứu địa danh ở Việt Nam đã đặt vấn đề phải tìm kiếm một cách giải thích địa danh rộng hơn. Cuối cùng đưa đến sự hình thành hai quan điểm cơ bản:

- Quan điểm thứ nhất nghiêng về nghiên cứu địa danh gắn với địa lý - văn hóa, đại diện là Nguyễn Văn Âu khi ông quan niệm địa danh là tên đất, gồm tên sông, tên núi, tên làng mạc... hay là tên các địa phương, các vùng dân tộc (Phạm Thị Phượng, 2012).

- Quan điểm thứ hai nghiêng về nghiên cứu địa danh theo góc độ ngôn ngữ học, được đề xuất và ủng hộ bởi Lê Trung Hoa, Nguyễn Kiên Trường, Từ Thu Mai, Phạm Xuân Đạm. Họ coi địa danh là những từ hoặc ngữ cổ định được dùng làm tên riêng của địa hình thiên nhiên, các công trình xây dựng, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ (Phạm Thị Phượng, 2012).

Trong nghiên cứu này, về đại thể chúng tôi sẽ vận dụng cách giải thích

theo quan điểm thứ hai vào việc phân loại địa danh. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không đi sâu vào phân tích cấu trúc từ vựng và ngữ nghĩa của những địa danh đã rõ ràng về nguồn gốc (Ví dụ rạch Bần Xanh hay rạch Mù U hiển nhiên là những địa danh lấy theo tên cây cỏ, nhưng trường hợp rạch Tráng thì cần có sự cắt nghĩa theo phương ngữ để hiểu tính “có lý do” của nó). Thay vào đó, trên cơ sở cách hiểu địa danh của Nguyễn Văn Âu, chúng tôi sẽ giải nghĩa địa danh như một thực thể địa lý - văn hóa - lịch sử.

Tiếp cận địa danh theo khuynh hướng liên ngành, chúng tôi cũng đã chú ý phân biệt địa danh với hiệu danh trong tiến hành khảo sát. Theo Lê Trung Hoa (2011), đối với những công trình nhân tạo, chỉ những công trình thuần túy không gian hai chiều (mặt bằng) như chợ, bến đò, bến phà, đường, lộ, kênh, mương mới là địa danh. Và vì vậy, những công trình có kích thước ba chiều như các cơ sở thờ tự, trường học, trụ sở cơ quan... do là hiệu danh, đương nhiên sẽ không thuộc phạm vi nghiên cứu của bài viết⁽¹⁾.

Dù đã giới hạn như thế nhưng đối tượng được định danh của địa danh còn khá rộng. Cho dù địa bàn nghiên cứu chỉ trong đơn vị hành chính một huyện thì vẫn là bất khả thi nếu đặt mục tiêu phải điều tra đầy đủ hệ thống địa danh của nó. Do đó, căn cứ vào mục tiêu: tìm các mối liên hệ giữa địa danh và lịch sử vùng đất, chúng tôi đã khảo sát tổng thể chỉ ở mức độ tương đối. Trên những địa bàn cư trú được

cho là "cổ cù" như khu vực xã An Thạnh 1, xã An Thạnh 2, thị trấn Cù Lao Dung và xã Đại Ân 1 chúng tôi mới tập trung điều tra kỹ lưỡng.

Bên cạnh điều tra thực tế, chúng tôi không xem nhẹ việc tích lũy những thông tin về địa danh từ sách báo in, sách báo mạng và rà soát bản đồ. Ngoài ra, các thao tác kiểm tra chéo, đối chiếu giữa các nguồn tư liệu cũng được chú ý một cách thích đáng để đảm bảo tính chính xác trong những nhận thức về vị trí, hình thể, nguồn gốc, ý nghĩa của từng địa danh.

Kết thúc cuộc khảo sát, chúng tôi đã tạm thời thống kê được 128 địa danh trên địa bàn Cù Lao Dung, trong đó có cả địa danh chỉ địa hình tự nhiên lẫn địa danh chỉ công trình nhân tạo, địa danh do dân gian đặt ra lẫn địa danh thành lập theo quyết định hành chính, những địa danh hiện còn tồn tại và những địa danh đã biến đổi hoặc biến mất (Nguyễn Văn Trường, 2016: 15-21).

Phần sau, bằng việc phân tích địa danh theo hai nhóm giá trị cung cấp thông tin, chúng tôi sẽ trình bày một số luận cứ dựa trên cơ sở nguồn tư liệu địa danh, nhằm soi sáng khoảng thời gian trước, trong và ngay sau công cuộc khai phá Cù Lao Dung.

3. ĐỊA DANH PHẢN ÁNH ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN CỦA CÙ LAO DUNG

3.1. Về địa hình, địa mạo

Nhìn trên bản đồ hành chính hiện nay dường như Cù Lao Dung có hình thể đơn nhất. Nhưng sự tồn tại của những

địa danh bắt đầu bằng từ chỉ loại "cù lao"⁽²⁾ trên địa bàn huyện, như: cù lao Hoàng Dung⁽³⁾ (xã An Thạnh 1, An Thạnh 2, xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Nam), cù lao Công Cộc (xã An Thạnh Đông), cù lao Tròn (xã Đại Ân 1), cù lao Nai (xã An Thạnh Tây, xã Đại Ân 1), cù lao Chín Liên (xã An Thạnh Tây), cù lao Cát (xã An Thạnh 1), cù lao Long Ân (xã An Thạnh 1), cù lao Chén (xã An Thạnh Nam), chứng tỏ địa bàn này từng bị chia tách bởi những đường nước rộng lớn của sông Hậu. Cho đến nay chưa có tài liệu nào đề cập đến niên đại chính xác sự xuất hiện những dải đất này, ngoài một vài ước lượng chung chung như "mấy ngàn năm", "400 năm", "giai đoạn muộn nhất thế Toàn Tân" (Đảng Bộ xã An Thạnh 1, 2010: 2; Thế hệ trẻ Media, 2013; Tỉnh ủy Sóc Trăng, 2012: 45).

Trong khi đó, theo sách *Chân Lạp phong thổ ký*, mô tả thủy trình Chu Đạt Quan đi sứ từ Ôn Châu - Chiết Giang đến Ăng Ko - thủ đô Chân Lạp, chúng tôi lưu ý một chi tiết tác giả viết: "Từ Chen-pu (Chân Bồ), lái theo hướng tây tây nam, chúng tôi băng qua biển K'un-lun (biển Côn Sơn hay Côn Lôn) và tới vùng châu thổ của một con sông. Trong một số cửa mà xuyên qua đó con sông đổ nước ra biển, chỉ có cửa sông thứ tư (cửa Cần Giở - NVT) là có luồng lưu thông; tất cả các cửa sông khác đều có các cồn cát trên đó các tàu lớn có thể bị mắc cạn" (Chu Đạt Quan, 2011).

Chu Đạt Quan đi qua Mekong vào khoảng tháng 8 năm 1296, ngay mùa

nước lớn, vẫn phải e ngại các bãi cát ngầm trên những “cửa sông khác” – trong đó có cửa sông Hậu – làm mắc cạn tàu của ông, chứng tỏ vào mùa khô rất có thể những bãi cát này đã ở vào trạng thái lộ thiên.

Theo thời gian, dưới tác động của các dòng hải lưu, sự bồi lắng diễn ra ngày một nhanh. Những cồn cát lớn dần, lớn dần rồi nhô hẳn lên khỏi mặt nước; còn sông, biển thì thu hẹp lại. Tham chiếu bản đồ *L'arrondissement de Soc Trang* của tác giả M. Piquet vẽ năm 1891, lúc này Cù Lao Dung đã có hình thể như một bà mẹ đứng giữa 3 con: Bãi Hoàng Dung ở chính giữa, bên phía Sóc Trăng là cù lao Tròn và cù lao Nai, bên phía Trà Vinh là cù lao Cồng Cộc. Có thể đây là bốn mảnh ghép đầu tiên của Cù Lao Dung, hình thành trên cơ sở những bãi cát ngầm mà Chu Đạt Quan đã từng nhắc tới.

Từ khi có những cù lao lớn án ngữ, hạ lưu sông Hậu bắt đầu phân nhánh, chia tách thành ba cửa sông nổi tiếng: Định An, Ba Thắc (Bassac) và Trần Đề (Tranh Đề, Trán Di). Phù sa tiếp tục bồi đắp, nơi các cửa sông này lần hồi nổi lên thêm một số cù lao mới, nhỏ hơn. So sánh lịch đại giữa bản đồ *L'arrondissement de Soc Trang* với *Bản đồ hành chính tỉnh Ba Xuyên* vẽ năm 1958, chúng tôi nhận thấy đã có thêm sự thể hiện cù lao Chín Liên và cù lao Cát. Trường hợp cù lao Long Ân (đặt tên Long Ân vì cù lao này nằm gần vàm Long Ân) và cù lao Chén (đặt theo đặc điểm hình thể) được nhiều người dân quả quyết rằng chỉ mới

hình thành trong khoảng 30 - 40 năm trở lại đây.

Về địa hình, việc số lượng địa danh có bộ phận chung (hay bộ phận định loại) là “sông”, “rạch”, “xẻo”, “khém”, “vàm”, “đầm”, “bàu”, “búng”⁽⁴⁾ chiếm tỉ lệ lớn (54/128 địa danh được thống kê) chứng tỏ tính chất thấp trũng của vùng đất Cù Lao Dung⁽⁵⁾. Nước sông Hậu xoi vào bình địa cù lao tạo thành một mạng lưới chằng chịt những con rạch lớn nhỏ, với đủ hình dáng: thẳng (rạch Ngay - xã An Thạnh 2), ngoằn ngoèo (rạch Ruột Ngựa - xã An Thạnh 3), rẽ nhánh (rạch Đồi - xã An Thạnh 2), to lớn (rạch Lớn - xã An Thạnh 2), to lớn và trống trải (rạch Tráng - xã An Thạnh Nam), sâu (khém Sâu - xã Đại Ân 1),... khiến địa bàn thường xuyên bị ngập theo chế độ bán nhật triều. Cho đến trước 1986, khi hệ thống đê bao chưa hoàn chỉnh, vào mùa nước nổi (từ khoảng tháng 8 đến tháng 11 Dương lịch) chỉ mình khu vực giồng Đình (giồng cát ăn từ Bãi Giá - Sóc Trăng, vắt ngang thị trấn Cù Lao Dung qua Trà Cú - Trà Vinh) là khô ráo, phần còn lại của cù lao đều xấp xỉ nước.

3.2. Về cây cỏ

Địa hình thấp, lại nằm tiếp giáp giữa sông và biển, đã qui định tính chất trung gian giữa hệ sinh thái thủy vực với hệ sinh thái trên cạn, giữa hệ sinh thái nước ngọt với hệ sinh thái nước mặn của cây cỏ ở Cù Lao Dung. Điều này thể hiện khá rõ qua bộ phận riêng (bộ phận định danh) của không ít địa danh.

Loài thực vật đi vào địa danh ở Cù Lao Dung nhiều nhất là cây bần (rạch Đầu Bần, rạch Bần Cò - thị trấn Cù Lao Dung, rạch Bần Xanh - xã An Thạnh Tây...). Họ nhà bần nói chung có 3 loại: bần dĩa, bần ổi, bần sể. Cây bần ở Cù Lao Dung chủ yếu thuộc hai loại bần dĩa và bần sể với thân màu xanh nâu, lá hình bầu dục, to cỡ hai ngón tay khép lại. Hoa bần trổ vào mùa xuân, cánh hoa tròn nhỏ như những sợi chỉ dài khoảng 5cm, trái chín vào mùa thu, vị chua, hình tròn dẹp tựa như cái bánh cam (Đỗ Ngọc Diệp, 2011).

Bần không chỉ len lỏi mọc theo mé nước hàng trăm con rạch lớn nhỏ⁽⁶⁾ mà còn bao bọc quanh tất cả các cánh cù lao. Năm 1947, khi Sơn Nam (2015, Phần 9) đến thăm Cù Lao Dung để sáng tác phục vụ văn nghệ kháng chiến thì ấn tượng đây là xứ sở của cây bần vẫn rất đậm: "*Ngó xa chỉ thấy cao xanh – Ngó gần thủy liễu⁽⁷⁾ một thành giăng ngang*". Theo Sơn Nam, những cây bần lão ở Cù Lao Dung có đường kính tới hơn 1m, thuộc loại "to nhất nhì Nam Bộ". Nếu kích thước lớn hơn bần sẽ đổ xuống, vì chân phù sa mềm và vì Cù Lao Dung là tấm bình phong nơi cửa biển, phải hứng chịu mưa gió thường xuyên.

Xuất hiện trong địa danh ở Cù Lao Dung còn có tên nhiều loài cây cỏ khác như cây dừa nước (xóm Lá, xóm Lá), cây giá (rạch Giá ["Giá" được người địa phương giải thích là đọc trại từ "giá"] - , thị trấn Cù Lao Dung), cây Mù U (rạch Mù U - xã An Thạnh 3),

cây bình linh (khém Bình Linh, bến đò Bình Linh - xã An Thạnh 1), cây bàng (búng Cây Bàng, lộ Cây Bàng, bến Cây Bàng - xã An Thạnh 1), cây sung (rạch Sung - xã An Thạnh 1), cây me (rạch Cây Me - xã An Thạnh Nam), dây trâu (rạch Trâu - xã An Thạnh 1), dây su (rạch Su - xã An Thạnh Nam), dây ô rô (phà Ngan Rô, chợ Ngan Rô, nhà thờ Ngan Rô - xã Đại Ân 1), cây bụi vôi vôi (rạch Voi), dây cóc vàng (bưng Cóc - xã Đại Ân 1), cây sậy (rạch Sậy - xã Đại Ân 1)...

3.3. Về cảm thú

Nhận diện được tính chất phong phú của thảm thực vật ở Cù Lao Dung là cơ sở để chúng tôi cho rằng, với điều kiện lý tưởng về nguồn thức ăn và nơi cư trú, quần thể động vật sinh trưởng trên Cù Lao Dung cũng từng phát triển rất đa dạng. Nhiều địa danh là tục danh mang tên cảm thú, trong đó một số sớm được sử cũ nhắc tới, đã củng cố tính xác thực của nhận định này.

Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức (2016: 51) viết: "Huỳnh Dung Châu: Tục gọi là cù lao Dung, ở phía tây hạ lưu Hậu Giang. Phía bắc từ sông Thong Đăng (Tham Đăng), phía nam đến sông Ngang Đò⁽⁸⁾, dài 35 dặm, làm bình phong cho sông Ba Thắc... Cù lao này có nhiều cạp, nên còn có tên là cù lao Hổ". Về loài cạp từng cư trú ở Cù Lao Dung sách *Địa chí tỉnh Sóc Trăng* cho biết thêm: "khi Cù Lao Dung chưa có dấu chân người thì đây là nơi cư trú của loài cạp đồng bằng. Chúng thường mon men xuống

mé rạch để săn mồi, thỉnh thoảng “thả bè” qua vàm Tấn hoặc vùng giáp ranh với Kế Sách trong một thời gian ngắn rồi lại kéo nhau quay về” (Tỉnh ủy Sóc Trăng, 2012: 997).

Liên quan tới một tên gọi nữa của Cù Lao Dung là cù lao Chàng Bè (hay cù lao Thăng Bè theo cách phiên âm của người Pháp), Vương Hồng Sển trong *Tự vị tiếng nói miền Nam* lại nhắc tới một loài vật khác. Theo ông, Kăk-tung (có sách viết Koh-tun) “là cách gọi của người Khmer, người Kinh phiên ra là cù lao Cồng Cộc (hoặc cù lao Chàng Bè). Đây là một loài chim chuyên ăn cá, có bộ lông đen, chân dài, thân lớn nhưng thịt ăn không ngon, có biệt tài săn cá rất giỏi” (Tỉnh ủy Sóc Trăng, 2012: 998).

Từ giải thích trên của Vương Hồng Sển mà không ít tài liệu sau này khi nhắc tới địa danh Cù Lao Dung đã hiểu lầm “cù lao Chàng Bè” và “cù lao Cồng Cộc” là đồng nhất về đối tượng. Trong khi, như phần đầu chúng tôi đã phân tích, cù lao Cồng Cộc chỉ là một hợp phần của cù lao Chàng Bè. Trên thực tế chim chàng bè thuộc họ bồ nông, có sải cánh rộng tới 2m, khác hẳn với chim cồng cộc chỉ nhỏ như con le le. Cả hai từng sinh sôi nảy nở rất nhiều ở Cù Lao Dung nhưng đến nay chim chàng bè không ai bắt gặp nữa, trong khi chim cồng cộc vẫn thấy rải rác trong rừng phòng hộ An Thạnh Nam.

Bên cạnh những con vật từng gắn với tên đất/là biểu tượng của Cù Lao Dung kể trên, một số loài vật khác vốn

thân thuộc với vùng sông nước miền Hậu Giang cũng đã được đặt tên cho nhiều thực thể tự nhiên ở đây như nai sao (cù lao Nai), khỉ đỏ (rạch Khỉ Đỏ - xã An Thạnh 3), chồn (rạch Chồn - xã An Thạnh Đông), dơi quạ (cù lao Dơi - xã An Thạnh Nhất), cá trê (rạch Trê - xã An Thạnh Nhất), vọp (rạch Vọp - xã Đại Ân 1; vọp là một loài nhuyễn thể giống như con nghêu nhưng lớn hơn); ong rừng (trong tên gọi “Ngan Rô”, tiếng “ngan” là đọc trại của tiếng “ngạn”, dấu hiệu ngôn ngữ chứng tỏ từng tồn tại những khu vực ăn ong của người làm nghề phong ngạn⁽⁹⁾ ở Cù Lao Dung)...

Có thể thiên nhiên Cù Lao Dung thuở hoang nhân còn hiện hữu nhiều hơn nữa trong tên gọi các địa danh, song chắc chắn nếu chỉ dựa vào nguồn tư liệu này chúng ta sẽ không thể thấy hết tính muôn vẻ như đã có của nó. Đơn cử chỉ tính riêng loài cá, một nghiên cứu về thủy sản của Trường Đại học Sư phạm TPHCM cho biết ở 2 cửa Định An và Trần Đề có tới 113 loài cá, thuộc 87 giống, 47 họ, 16 bộ (Tống Xuân Tám, Lâm Hồng Ngọc, Phạm Thị Ngọc Cúc, 2014) đang cư trú. Gắn với ký ức về cửa sông Ba Thắc huyền thoại (ngay vị trí Vàm Hồ - trung tâm xã An Thạnh Nam hiện nay), ông Nguyễn Thành Khương kể rằng thời chống Pháp người dân từng bắt được một con cá đao “trúng to bằng trái banh, gan xào được 10 thùng dầu” gần mương Ông Tám. Còn *Hồi ký Sơn Nam* lại nhắc tới xác những con cá đuối có “bộ xương to không kém chiếc

xe jeep của nhà binh Tây", vì ham mồi đã theo thủy triều tiến sâu vào vùng cửa sông rồi mắc cạn (Sơn Nam, 2015, Phần 19).

Những tư liệu tổng hợp kể trên cho phép khẳng định thiên nhiên Cù Lao Dung thuở xưa thực sự rất trù phú. Sau chuyến hải hành dài ngày mệt mỏi, những lưu dân miền ngoài chọn các cửa sông Hậu tiến vào vùng đất mới hẳn đã không thể không chú ý đến một khối cù lao lớn, giàu sản vật nhưng cũng tiềm ẩn nhiều hiểm họa, nằm giữa mệnh mông biển nước. Có người chọn dong thuyền đi tiếp và cũng có người chọn ở lại. Đó là điểm khởi đầu cho một quá trình xã hội mà phần sau đây chúng tôi sẽ bàn tới.

4. ĐỊA DANH PHẢN ÁNH CÔNG CUỘC KHẨN HOANG, LẬP LÀNG TRÊN CÙ LAO DUNG

4.1. Hai thôn trong sử cũ

Tạm gác lại nguồn tư liệu địa danh, chúng tôi mở đầu những khảo luận về quá trình khẩn hoang lập làng trên Cù Lao Dung bằng việc nhắc lại một số vấn đề/sự kiện liên quan được chép trong các thư tịch cũ.

Về sự hiện diện của những ngôi làng ở Cù Lao Dung, qua *Gia Định thành thông chí* có lẽ Trịnh Hoài Đức là học giả đề cập đầu tiên. Theo Trịnh Hoài Đức (1972: 71-72) vào đầu thế kỷ XIX trên Cù Lao Dung có An Thạnh Nhất thôn và An Thạnh Nhì thôn, được ông xếp vào diện "thành lập sớm hơn" trong tổng số 37 thôn, điểm của huyện Vĩnh Định⁽¹⁰⁾, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh.

Nhưng sớm hơn là từ khi nào? Trong luận án nghiên cứu *Kinh tế Sóc Trăng thời Pháp thuộc (1867 - 1945)*, Trần Thị Mai dựa vào kỹ thuật phân tích hành trạng cá nhân để khẳng định các thôn này có trước thời điểm tác giả *Gia Định thành thông chí* làm Điền Tuấn quan trấn Gia Định, năm 1789. Và, xa hơn, căn cứ ghi chép của sách *Monographie de la Province de Soc Trang* (1937), Trần Thị Mai còn suy đoán các làng người Việt ở Cù Lao Dung có từ trước năm 1757 (Trần Thị Mai, 1998: 34).

Theo chúng tôi, đối với trường hợp Cù Lao Dung, nếu quá dựa vào những tài liệu viết để định ra một thời điểm tương đối chính xác – xin nhấn mạnh là chỉ có thể tương đối chính xác trong điều kiện không có những tư liệu trực tiếp – cho sự xuất hiện của các ngôi làng trên Cù Lao Dung như vậy sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Nên chăng cần tính đến logic thực tế như chúng tôi đã diễn giải ở tiểu kết phần trên. Cù Lao Dung với những sản vật rất đáng chú ý, xuất hiện ngay điểm đầu trong tuyến thủy lộ từ biển xâm nhập vào miền Hậu Giang - phương thức đi lại chủ đạo trong công cuộc Nam tiến vì đường bộ khi đó còn trắc trở và nguy hiểm. Vậy nếu chúng ta đã thống nhất rằng: "Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII, chiến tranh giữa các nước trong khu vực như Đại Việt, Champa, Xiêm và Chân Lạp làm nhiều lưu dân của các nước này phiêu dạt dần xuống phía nam vốn là vùng đất mới và trở thành cư dân tự do ở Đồng bằng sông Cửu

Long” (Tỉnh ủy Sóc Trăng, 2012: 187), thì hoàn toàn có thể khẳng định ngay từ khoảng thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII ấy đã xuất hiện những lưu dân người Việt đến định cư, lập làng ở Cù Lao Dung.

Nhưng tại sao lại nghĩ những lưu dân người Việt mới là những chủ nhân đầu tiên của vùng đất này? Trong khi, như thường thấy trên đất Nam Bộ, sự hiện diện của người Khmer là sớm hơn. Rồi xuất xứ cụ thể của những người Việt miền ngoài này là từ đâu? Địa điểm nào là nơi đứng chân đầu tiên của họ? Và, ai là những hậu duệ của họ còn tồn tại tới hôm nay?

Đến đây, chúng tôi quay trở lại với nguồn tài liệu địa danh của mình để thử giải đáp cho những câu hỏi trên. Vì giữa những câu trả lời cụ thể có liên quan về cứ liệu, đôi khi dựa trên cùng một tín hiệu ngôn ngữ địa danh, nên chúng tôi sẽ nhóm chung thành hai mục.

4.2. Xuất xứ của những cư dân đầu tiên và hai điểm quần cư cổ cù

Xuất xứ của những cư dân đầu tiên

Theo chúng tôi, có ba cơ sở để khẳng định không phải người Khmer định cư đầu tiên ở Cù Lao Dung. *Thứ nhất*, trên những địa bàn địa chất được kiến tạo sớm, cư trú thuận lợi, ngoài những địa danh mang thành tố chung “vàm”, “rạch” đã phổ biến trên khắp Nam Bộ, chúng tôi không thấy dấu hiệu ngôn ngữ tiếng Khmer nào khác làm thành một địa danh riêng (kiểu như địa danh Bãi Xàu, địa danh Kế Sách bên đất

liền Sóc Trăng). *Thứ hai*, hiện nay người Khmer tập trung nhiều ở ấp Sơn Ton, xã Đại Ân 1 nhưng họ chỉ là hậu duệ của những người Khmer đến Cù Lao Dung từ cuối thế kỷ XIX (Đảng bộ xã Đại Ân 1, 2010: 9). *Thứ ba*, trong nhiều giả thuyết về nguồn gốc hình thành địa danh Cù Lao Dung, có một giả thuyết cho rằng tên “Dung” là do đọc trại từ “Duông” - cách gọi của người Khmer ám chỉ rằng đây là “Cù lao của người Việt”.

Về xuất thân của những lưu dân người Việt này, chắc hẳn đa phần họ là nghèo túng. Những cuộc binh đao Lê - Trịnh, Trịnh - Nguyễn và sự hà hiếp của quan lại phong kiến nơi nguyên quán đã dồn ép họ di cư vào vùng đất phương Nam với mong muốn được yên ổn làm ăn, sinh sống. Các địa danh bắt đầu bằng từ “An” như ấp An Thường, ấp An Trung, ấp An Lộc, ấp An Phú, ấp An Nghiệp, ấp An Bình và tiền tố “An Thạnh” (hay “An Thịnh”) như thôn An Thạnh Nhất, thôn An Thạnh Nhì, thôn An Thạnh Ba trước kia thể hiện rất rõ thân phận của những người đã đặt tên cho chúng.

Đồng thời, từ dấu vết văn hóa trong những cơ sở tín ngưỡng, thờ tự và từ dấu vết phương ngữ trên địa danh ở hai địa điểm được xem là nơi định cư đầu tiên, chúng ta có thể tin rằng họ là những cư dân có gốc gác thuộc vùng Ngũ Quảng.

Hai điểm quần cư cổ cù

Chúng tôi đến ấp An Thường – địa đầu cù lao Hoàng Dung trong cả ba

lần điền dã. Áp có bến đỗ của phà Đại Ngãi, tuyến phà lớn nhất qua lại Cù Lao Dung. Gần phà, trên một đoạn rạch nhỏ ngày nay có tên là rạch Miếu, hai bên rạch từ điểm đầu vằm đi vào chừng 200m chúng tôi nhận thấy có một am mang tên Linh Sơn tự, một đình có tên Trung Trực Bồn Cảnh Chánh Thần và một chùa là chùa Tân Giác. Trong khuôn viên chùa Tân Giác lại có một ngôi miếu nhỏ, gọi là miếu Bà Chúa Xứ.

Tìm hiểu nguồn gốc của từng hiệu danh này, được biết am Linh Sơn tự và miếu Bà Chúa Xứ tuy nay hoang phế nhưng là những cơ sở thờ tự lâu đời. Đình thần được sắc phong dưới triều Tự Đức, năm 1865, theo sách lịch sử xã An Thạnh 1 sắc phong ghi: “Thôn An Thạnh Nhất - Bang Long Phủ, hạt Ba Xuyên: Thành Hoàng bốn cảnh trung trực chánh thần” (Đảng bộ xã An Thạnh 1, 2012: 4). Chùa Tân Giác nguyên là một cơ sở tu tại gia của hai chị em bà Cao Thị Ngọc, Cao Thị Phước, dựng từ cuối thế kỷ XIX (phỏng vấn Mai Thị Viên).

Sự tồn tại của miếu Bà Chúa Xứ là đặc điểm văn hóa chứng tỏ những người lập miếu là cư dân người Việt miền Trung, vốn tiếp thu tín ngưỡng thờ Bà Po Inư Nugar của người Chăm thành Thánh mẫu Thiên Y A Na⁽¹¹⁾. Loại hình thờ tự am và đình thần cũng có sự gắn bó nhất định với cộng đồng dân cư này.

Mặt khác, khảo sát trên thực địa chúng tôi còn nhận thấy cách rạch Miếu chừng 500m, hướng về điểm

mũi cù lao Hoàng Dung là rạch Trường Tiền lớn, nơi ngọn rạch có một búng nước ngọt, người dân quen gọi là búng Cây Bàng. “Trước đây bên búng nước diện tích chừng 1 công⁽¹²⁾ mọc một cây bàng u rất lớn”, ông Nguyễn Thanh Lâm, chủ đất kế cận búng Cây Bàng cho biết, “Dù gần đây sông rạch thường bị nhiễm mặn thì búng nước này quanh năm vẫn ngọt. Hơn chục năm trước, khi dân An Thường còn thịnh trồng nhãn, những lái buôn đi thu mua trái nhãn thường đến búng lấy nước vẩy lên cho nhãn tươi lâu, rồi mới chở về chợ”.

Trong hồi ký của mình, Sơn Nam (2015, Phần 15) nhắc tới một kinh nghiệm của những người đi mở đất “Người ta có thể nhịn ăn, nhất định không thể một ngày thiếu nước, vì thế nước ngọt tới đâu, người khẩn hoang sẽ tới đó”. Ở nơi đất cao hơn hẳn phần còn lại như đất An Thường, lại có nước ngọt quanh năm giữa một vùng luôn bị tranh chấp bởi biển mặn, thiết nghĩ là lựa chọn cư trú khá dĩ tốt nhất cho những người muốn định cư lâu dài trên Cù Lao Dung.

Ngoài ra, có thể là đồng thời, chúng tôi cho rằng khu vực chợ Bến Bạ, bên bờ sông Cồn Tròn, thuộc ấp Chợ, thị trấn Cù Lao Dung là điểm tụ cư thứ hai của những lưu dân miền Ngũ Quảng.

Nguyên do ở Cù Lao Dung cái tên Bến Bạ người lớn ai cũng biết, vì nó ít nhất gắn với tên ba địa điểm họ thường qua lại: chợ, sông và cầu Bến Bạ, nhưng hỏi vì sao lại có cái tên ấy thì tuyệt nhiên không ai rõ. Thời may, khi

tra cứu trên mạng, chúng tôi tìm được trong sách lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng huyện Châu Thành (tỉnh Hậu Giang) lời giải thích cho một cách đặt tên tương tự: “Theo các bộ lão kể lại địa danh Bến Bạ là do một số dân cư ở miền ngoài, bất bình với chế độ phong kiến Trịnh - Nguyễn nên xuôi dòng vào Nam để lập nghiệp, họ đi bằng ghe bầu trên sông Hậu, nhìn vào bờ không xa lắm có “bến trồng cạn bạ” nên thường ghé vào tạm trú, tránh sóng gió... Bến Bạ tức là *bến đậu tạm bợ* (theo phương ngữ người miền Trung - NVT) rồi đi, tiếng *bợ* lâu ngày trở thành tiếng *bạ*” (Đảng bộ xã Đông Phú, 2008).

Đáng lưu ý, đối diện với Cù Lao Dung bên phía bờ Trà Vinh của sông Hậu, thuộc làng chiếu Cà Hom, huyện Trà Cú cũng tồn tại một địa danh có tên Bến Bạ. Như vậy cái tên “Bến Bạ” không phải là cá biệt ở vùng hạ lưu sông Hậu, nên lời giải thích cho địa danh Bến Bạ ở xã Đông Phú kia hoàn toàn có thể áp dụng để hiểu nguồn gốc tên gọi Bến Bạ ở huyện Cù Lao Dung.

Trên bản đồ Bến Bạ là một điểm nằm bên giồng Đình Trụ - giồng cát kéo dài từ Bãi Giá, vắt ngang Cù Lao Dung qua Trà Cú. Trong bối cảnh hình thể cù lao thuở mới khẩn hoang còn mảnh mai, khi nước lớn hầu hết đất đai bị trầm thủy, từ địa điểm khá dĩ an toàn và thuận lợi cho đi lại (bằng giang thuyền) này, làng xóm mới dần mở mang vào giữa và đi lên phía đầu cù lao, nơi địa hình tương đối cao ráo hơn.

Nhờ những người tiên phong mở đất, cù lao âm u dần dần quang đãng, thú dữ lần hồi bỏ đi, nhà sản dựng bằng thân cây bần, vách và mái lợp bằng dừa lá lần lượt mọc lên. Ban đầu cư dân khai thác củi, gỗ, dừa lá, cỏ lác, mật ong, lông chim chàng bẹ, tôm cá để một phần chu cấp đời sống tự túc, một phần đem vào đất liền trao đổi. Dần dà khi đã rành phong thổ của vùng đất, họ mới tính đến sinh kế lâu dài bằng việc guồng đất, đào mương, đắp bờ bao làm ruộng lúa, trồng cây trái, trồng dâu... Trên Cù Lao Dung, một dạng cộng đồng dân cư sơ khai được định hình.

4.3. Những dấu tích còn lại

Ngũ Quảng là năm vùng đất trải dài từ nam đèo Ngang (Hoành Sơn) đến bắc đèo Bình Đê. Hỏi trên đất Nam Bộ có mấy nơi thuở xưa không in dấu chân người Ngũ Quảng? Bằng việc tìm hiểu những khu gia mộ cũ, chúng tôi đã hy vọng sẽ biết nguyên quán, dòng họ, thân thế của vài ba trường hợp cụ thể trong lớp người được coi là tiền hiền mở đất Cù Lao Dung.

Nhưng thật lạ, sợi dây liên hệ về thân tộc bắt nguồn từ lớp người đó hầu như không tồn tại. Những ngôi mộ xây lâu năm trên ấp An Thường như họ Võ Thành⁽¹³⁾ ở rạch Miếu; họ Võ Văn ở rạch Thầy Phở⁽¹⁴⁾, họ Đào⁽¹⁵⁾ ở rạch Trường Tiền nhỏ, rồi họ Huỳnh, họ Mai, họ Nguyễn đều là của những người từ vùng đất liền Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Tháp hoặc từ Trung Hoa... đến Cù Lao Dung trong khoảng đầu thời kỳ Pháp thuộc (1858 - 1945).

Bia mộ thể hiện thời gian người đến Cù Lao Dung sớm hơn cả là của ông Chín Liên (người được đặt tên cho cù lao Chín Liên - ấp An Phú, xã An Lạc Tây). Bia ghi ông tên đầy đủ là Phạm Văn Liên, mất năm 1886, thọ 87 tuổi. Theo lời kể của người cháu gọi ông Chín Liên là "ông cố Chín", được biết ông và em trai thứ mười là Phạm Văn Miên từ Long Phú qua vùng cù lao khi tuổi vừa ngoài hai mươi. Nghĩa là mới khoảng cuối triều Minh Mạng, đầu triều Tự Đức (năm 1840).

Chỉ một liên hệ khá mờ chúng tôi ghi nhận được từ câu chuyện với ông Chín Sáng (Nguyễn Văn Sáng), rằng họ Trần bên phía bà nội của ông là "cố cụ nhất Cù Lao Dung" và đã từng có người làm quan đường cù⁽¹⁶⁾. Người địa phương làm quan đường cù hẳn đã theo Nguyễn Ánh trong thời kỳ ông ta lưu trú ở đây vào năm Đinh Mùi 1787 (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2016: 204).

Trong khi đó, tư liệu địa bạ triều Nguyễn cho biết đến năm 1836 hai làng An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì có tổng số đất trồng dừa lá, đất ruộng, đất vườn, đất trồng dâu là 1.505 mẫu, thuộc 53 sớ (Nguyễn Đình Đầu, 1995: 211-212). Như vậy trung bình mỗi sớ hữu chủ có khoảng 30 mẫu. Để tích góp được số ruộng này, tất không ít sớ hữu chủ đã được thừa kế từ lớp dân cổ cù thời Cù Lao Dung mới được khẩn hoang.

Những dữ liệu trên khẳng định phá hệ của các bậc tiền hiền mở đất Cù Lao Dung lần lượt bị đứt gãy trong quá khứ.

Nguyên nhân do đâu vậy?

Có lẽ họ giống như tổ tiên ông Chín Sáng, vì góp công giúp Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn nên sau này được vời tới những nơi đô hội để hưởng bổng lộc, quan tước.

Cũng có thể vì địa thế bị cô lập ở đất cù lao, đến đây lưu dân dù có đất, rồi đủ ăn hay đủ mặc, nhưng chữ nghĩa và điều kiện chăm sóc y tế vẫn thiếu thốn. Trong khi đó sau các chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn, tiếp theo là của người Pháp, kênh đào, nước ngọt, đường bộ, thương mại và tất cả những sự canh tân đều diễn ra bên trong đất liền. Nên những người tích góp được chút hảng sản sớm hay muộn cũng có lúc nghĩ đến việc di chuyển sâu vào đồng bằng châu thổ định cư.

Nhưng nguyên nhân chắc chắn hơn, theo chúng tôi, sự đứt gãy này là hệ quả tất yếu của những cuộc thanh lọc hai chiều về nhân số diễn ra sau hàng loạt biến động chính trị, xã hội cuối thế kỷ XIX và trong cả thế kỷ XX, đặc biệt là hai cuộc chiến tranh Việt - Pháp và Việt - Mỹ.

Một chiều, lần hồi bồi tụ về Cù Lao Dung là hạng dân nghèo phá sản, trốn thuế, ẩn lậu (như những trường hợp được đặt tên cho rạch Bà Kẹo, khém Bà Hành, rạch Thầy Phỏ, rạch ông Sáu Cánh, rạch Ông Mùi, xẻo Ông Trà); hay những kẻ tha phương (như trường hợp được đặt tên cho mương Ông Tám - ấp Bình Du, xã An Thạnh là người Hoa, họ Lê); hoặc những người nuôi chí anh hùng, mang hoài

bảo cách mạng (như trường hợp các liệt sĩ được đặt tên cho ấp Bình Danh⁽¹⁷⁾, ấp Đặng Trung Tiến⁽¹⁸⁾, ấp Nguyễn Công Minh⁽¹⁹⁾).

Chiều ngược lại bao gồm những người hữu sản. Khi Cù Lao Dung ngày một cuốn sâu vào làn sóng cách mạng, trở thành vùng căn cứ của Huyện ủy Long Phú, Huyện ủy Trà Cú, thậm chí Tỉnh ủy Sóc Trăng giai đoạn 1945 - 1975 cũng từng lựa chọn đứng chân ở đây, thì tầng lớp hữu sản này người thì theo cách mạng, người thì bỏ đi nơi khác mà mai một dần. Qua những lần phỏng vấn ông Chín Sáng, chúng tôi ghi nhận được hai trường hợp cụ thể.

Ông Chín Sáng kể trong làng An Thạnh Nhất, thời Pháp, giàu nhất là gia đình ông Hào Mô, thứ hai là gia đình ông Lý Thành Trung. Ông Hào Mô nhà ở gần Rạch Miếu, thừa hưởng gia tài của bà Ba Huy, trâu đàn có cả trăm con. Năm 1945 ông tham gia cách mạng, xuống Cà Mau hoạt động rồi hy sinh. Còn ông Lý Thành Trung nhà ở rạch Trầu (ấp An Trung, xã An Thạnh 1), ruộng cho đến trước năm 1975 còn cả 300 công. Nhưng chưa đến ngày cách mạng tiếp quản ông đã bán hết trâu bò (ruộng đất lúc đó không bán được) chuyển qua Trà Cú sắm xe hàng. Bởi vì ông tính tình hình sẽ như năm 1945, "Lúc đó hỗn quân hỗn quan, có quyền là quyết hết, mấy người có tiền đều bị đem ra xét xử. Không làng xóm, không quan quân rồi biết thừa ai? Nên trước Lý Thành Trung, khi Ngô Đình Diệm lên nắm

quyền thì những kẻ có tiền ít nhiều đã chạy về chợ Đại Ngãi".

Nhưng ông Lý Thành Trung làm xe hàng riết dẫn đến thua lỗ, phá sản. Đến lúc cuối đời thì rơi vào cảnh túng thiếu (phỏng vấn Nguyễn Văn Sáng).

5. KẾT LUẬN

Không ít nhà nghiên cứu hiện nay cho rằng sử học truyền thống do giới tinh hoa chấp bút, lại chủ yếu viết về đời sống của tầng lớp trên nên họ thường gặp phải những giới hạn và khó khăn về mặt tư liệu nếu muốn tìm hiểu một đề tài lịch sử xã hội. Làm việc với từng địa danh ở Cù Lao Dung, chúng tôi nhận thấy đây là những bản minh văn thực sự, phần nhiều do giới bình dân viết bằng ngôn ngữ khái niệm, phản ánh những gì thân thuộc nhất xung quanh họ, từ sông, rạch, cây cỏ, cầm thú đến đình, chùa, miếu mạo, cầu, đường, chòm xóm, sinh hoạt... Đó là những cứ liệu rất đáng tin cậy để xây dựng hiểu biết lịch sử cộng đồng. Không những thế, gắn với từng đối tượng đã được định danh, bao giờ cũng có những sự kiện và một miền ý niệm về quá khứ đi kèm. Nếu khởi đi từ những đầu mối thông tin đó, nhà nghiên cứu sẽ có không ít những câu chuyện truyền khẩu phong phú làm tư liệu tham khảo.

Giữa tên địa danh và hiện thực thường có sự sai lệch. Không phải vì cư dân trong quá khứ đặt tên sai mà vì đối tượng được dùng để định danh đã biến đổi. Chính việc chỉ ra dạng thức và nguyên nhân của những sự biến đổi đó nhà sử học mới cho thấy sự

khác biệt giữa mình với một nhà ngôn ngữ học, một nhà văn hóa học khi có cùng đối tượng nghiên cứu là địa danh. Những đối chiếu thích đáng giữa tài liệu địa danh với các nguồn tư liệu khác cũng là rất cần thiết để đảm bảo tính khách quan sử học.

Kết nối giá trị sử liệu chúng tôi thu thập được từ các cuộc khảo sát địa danh cho thấy, trong quá khứ, người ở Cù Lao Dung cũng bồi tụ lại và xói lở đi như đất Cù Lao Dung dưới tác động của dòng chảy sông Hậu. Những trận

lũ dữ làm thay đổi sâu sắc cơ cấu xã hội của cộng đồng dân cư này chính là chiến tranh và những di họa của nó. Nên với những địa danh mà khoảng trống hiện thực đằng sau còn chưa có lời giải đáp, chúng tôi không khỏi băn khoăn tự hỏi: phải chăng không phải một bến nhỏ bên sông Cồn Tròn hiện nay có tên bến Bạ, mà cả Cù Lao Dung dường như từng bị xem là bến bạ? “Bạ”, như chúng tôi đã dẫn giải, được đọc trại từ “bợ” với hàm ý trủ ngụ tạm thời. □

CHÚ THÍCH

(1) Ngoại trừ những hiệu danh đã được hóa thân vào địa danh, như trường hợp cầu Chùa, cầu Nhà Thờ, ấp Nhà Thờ, rạch Miếu.

(2) Khái niệm “cù lao” bắt nguồn từ tiếng Malaysia “pulaw”, là dải đất nổi giữa sông cái. Khái niệm “cồn” ở Nam Bộ ảnh hưởng theo phương ngữ Bắc Bộ cũng được hiểu theo nghĩa ấy. Trong dân gian giữa “cồn” và “cù lao” có sự khác biệt nhất định về độ lớn, về niên đại và về cơ chế hình thành, nhưng trong bài viết này chúng tôi thống nhất chỉ sử dụng khái niệm “cù lao” chung cho cả hai cách gọi.

(3) Chúng tôi tạm sử dụng cách gọi bãi Hoàng Dung (hay cù lao Hoàng Dung) của Trương Vĩnh Ký thay cho cách gọi cù lao Dung, vốn được nhiều tài liệu sử dụng hơn, nhằm thuận tiện cho sự phân biệt địa danh hành chính hiện nay (Cù Lao Dung) với một hợp phần tự nhiên của nó (cù lao Dung).

(4) Đây đều là những thực thể tự nhiên chứa nước, nhưng có sự phân biệt về độ lớn và vị trí, trong đó:

- Rạch, bắt nguồn từ tiếng Khmer là prek, nghĩa là sông nhỏ. Nơi cửa rạch đổ ra sông gọi là “vàm” (cũng bắt nguồn từ tiếng Khmer “piem”), phía đầu rạch trở vào đất liền gọi là “ngọn”. Như vậy, nếu một đường nước được gọi là rạch thì điểm đầu và điểm cuối của nó phải không thấu qua các nhánh sông. Song cũng khá phổ biến ở Cù Lao Dung hiện tượng chung một đường nước mà có tên hai con rạch, được phân định bởi một điểm giáp nước. Chẳng hạn rạch Miếu thông luồng với Kênh Đào từ cửa Định An qua cửa Trần Đề nơi đầu cù lao Hoàng Dung, rạch Vượt thông luồng với rạch Trường Tiền Nhỏ từ sông cù lao Tròn qua sông Cống Cộc.

- “Khém” là đoạn sông tiếp giáp giữa hai cù lao, như cùng trên sông Rạch Già đoạn chảy giữa cù lao Hoàng Dung với cù lao Cát là khém Bà Hành, tiếp theo đoạn giữa cù lao Hoàng Dung với cù lao Chín Liên là khém Bình Linh, rồi giữa cù lao Tròn và cù lao Nai là khém Sáu.

- “Xèo” là lạch nước nhỏ và ngắn, có thể đổ ra sông mà cũng có thể đổ ra rạch.

- “Bàu”, “đầm” đều chỉ những vùng nước không chảy, trong đó đầm thường rộng lớn nhưng nông hơn so với “bàu”.

- “Búng” là nơi nước sâu, giáp giữa hai ngọn rạch có lưu lượng nước chảy nhiều và mạnh.

⁽⁵⁾ Hiện nay đất xã An Thạnh 1 có bình đồ cao nhất Cù Lao Dung, song vẫn thấp hơn mặt nước lúc triều cường khoảng 1m.

⁽⁶⁾ Số liệu hiện nay cho biết Cù Lao Dung có tổng cộng 361 kênh rạch lớn nhỏ (theo: Nguyễn Văn Đắc, 2016: 31-32).

⁽⁷⁾ Tương truyền Nguyễn Ánh khi lưu trú ở Cù Lao Dung được người dân mời ăn món canh chua nấu với trái bần, ông ăn xong khen ngon. Nghĩ tên bần gọi cảnh bần hàn, nghèo túng nên ông đặt lại tên cây là “thủy liễu”, cho có vẻ mỹ miều.

⁽⁸⁾ Theo chúng tôi “Ngang Đò” ở đây là “Ngăn Rò”, tên sông nằm ở vị trí huyện Trần Đề - Sóc Trăng hiện nay.

⁽⁹⁾ Vì ông thường đi ăn theo hướng gió, người làm nghề ăn ông cũng theo hướng gió mà tìm, “ngạn” trong Hán ngữ có nghĩa là thăm, viếng.

⁽¹⁰⁾ Huyện Vĩnh Định tương ứng với địa giới hai tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng hiện nay.

⁽¹¹⁾ “Thánh mẫu Thiên Y A Na là vị nữ thần mang trong mình sự hỗn dung văn hóa Chăm - Việt. Điểm cực nam của duyên hải miền Trung là tỉnh Khánh Hòa thờ Bà trong tháp Pô Nagar ở thành phố Nha Trang, còn phía cực bắc, nơi thờ Bà một cách trang trọng nhất là điện Hòn Chén ở Huế. Bà là sản phẩm của sự gặp gỡ giữa Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm (Pô Inur Nagar) và thánh Mẫu của người Việt. Nói cách khác, Thiên Y A Na chính là sự Việt hóa Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm, mà địa bàn của quá trình Việt hóa này là vùng duyên hải miền Trung” (Quỹ Nghiên cứu Văn hóa phát triển Miền Trung, “Tổng quan về văn hóa vùng duyên hải miền Trung”. Nguồn: <http://vietccr.vn/xem-tin-tuc/tong-quan-ve-van-hoa-vung-duyen-hai-mien-trung-default.html>)

⁽¹²⁾ Người dân Cù Lao Dung quen cách tính 1 công vuông bằng 12 tầm, mỗi tầm khoảng 2,6m.

⁽¹³⁾ Dòng họ của liệt sĩ được đặt tên cho ấp Võ Thành Văn, gốc gác bên Long Phú.

⁽¹⁴⁾ Thầy Phó tên thật là Võ Văn Mục, người bên Song Phụng, vì không muốn đi lính cho Pháp nên cùng em trai là Võ Văn Sển trốn qua Cù Lao Dung, khoảng năm 1920. Dân trong vùng gọi “Thầy Phó” vì ông biết bốc thuốc Nam (phỏng vấn Võ Minh Thức).

⁽¹⁵⁾ Ông Tổ là Đào Văn Nhạn, từ Lai Vung qua Cù Lao Dung buôn lá, quen và cưới con ông Chủ Lỗi, họ Trần, được chia cho 300 công đất, sau nhờ có chữ nghĩa, làm ăn biết tính toán nên gia sản ngày một nhiều. Hồi đầu thời Pháp thuộc chủ Nhạn nổi tiếng giàu có ở An Thạnh Nhất thôn (phỏng vấn Nguyễn Văn Sáng).

⁽¹⁶⁾ Dấu tích của sự kiện này còn để lại trên các địa danh rạch Vượt, rạch Trại, rạch Xu (nằm trên ấp An Thường, đặt tên rạch Xu là vì trước đây trẻ con tắm ở đây thường nhặt được những đồng tiền xu do người của Nguyễn Ánh đúc), rạch Trường Tiền Lớn, rạch Trường Tiền Nhỏ, rạch Long Ân.

⁽¹⁷⁾ Ấp Bình Danh, xã An Thạnh 2 được ghép từ tên liệt sĩ Nguyễn Văn Danh quê gốc Giá Rai và tên liệt sĩ Trần Văn Bình sinh quán ở Đại Ân 1.

⁽¹⁸⁾ Ấp Đặng Trung Tiến, xã An Thạnh Đông được đặt theo tên một liệt sĩ từng là công an xung phong huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, hoạt động bí mật trên địa bàn Cù Lao Dung khoảng năm 1955 - 1956.

⁽¹⁹⁾ Ấp Nguyễn Công Minh, xã An Thạnh 2 được đặt theo tên một liệt sĩ quê gốc xã Ngãi Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang từng làm Phó Công an huyện Trà Cú, chuyển vùng hoạt động sang Cù Lao Dung năm 1954.

Những tên ấp trên do chi bộ Đảng các xã An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba, Đại Ân đặt vào khoảng tháng 7/1960, được hành chính hóa sau giải phóng nhưng có thay đổi về vị trí và địa giới.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chu Đạt Quan. 2011. "Chân Lạp phong thổ ký" (bản dịch của Ngô Bắc). <https://vietnamclassical.files.wordpress.com/2011/03/chan-lap-phong-tho-ky.pdf>, truy cập ngày 20/10/2016.
2. Đảng bộ xã An Thạnh 1. 2012. *Lịch sử truyền thống cách mạng xã An Thạnh 1 (1930 - 1975)*. Sóc Trăng: Xí nghiệp in Sóc Trăng.
3. Đảng bộ xã Đại Ân 1. 2012. *Lịch sử truyền thống cách mạng xã Đại Ân 1 (1930 - 1975)*. Sóc Trăng: Xí nghiệp in Sóc Trăng.
4. Đảng Bộ xã Đông Phú. 2008. "Lịch sử Đảng bộ xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang". <http://chauthanh.haugiang.gov.vn/Default.aspx?tabid=479>, truy cập ngày 10/10/2016.
5. Đỗ Ngọc Diệp. 2011. "Tinh bản ở Cù Lao Dung". <http://nhavantphcm.com.vn/tac-pham-chon-loc/but-ky-tap-van/diep-ban-co-tinh-ban-o-cu-lao-dung.html>, truy cập ngày 5/10/2016.
6. Jerome Donald Fellmann, Arthur Getis và Judith Getis. 1998. *Human Geography: Landscapes of Human Activities*. Cincinnati, Ohio State. Surendra Kumar (tái bản lần thứ 5).
7. Lê Trung Hoa. 2011. *Địa danh học Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Nguyễn Đình Đầu. 1995. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - An Giang*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
9. Nguyễn Văn Đắc. 2016. "Quy hoạch vùng sản xuất, điều kiện cần phát triển nông nghiệp bền vững gắn với dịch vụ, du lịch". *Tạp chí Xuân Bình Thân Cù Lao Dung*.
10. Nguyễn Văn Trường. 2016. *Lịch sử Cù Lao Dung qua những câu chuyện kể về nguồn gốc hình thành các địa danh*. Nhiệm vụ cơ sở, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì, nghiệm thu ngày 20/11/2016.
11. Phạm Thị Phương. 2012. "Địa danh Bình Định nhìn từ góc độ văn hóa". <http://tunguyenhoc.blogspot.com/2012/09/la-danh-binh-inh-nhin-tu-goc-o-van-hoa.html>, truy cập ngày 20/10/2016.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2016. "Đại Nam thực lục" (bản dịch của Viện Sử học). <https://sachsvietnam.files.wordpress.com/2014/02/dai-nam-thuc-luc-tap01.pdf>, truy cập ngày 30/10/2016.
13. Sơn Nam. 2015. "Hồi ký Sơn Nam" (truyện audio). <http://truyenaudio.xyz/playlist/Hoi-Ky-Son-Nam-Son-Nam-Thanh-Tuan/EZEF9C6-0.html>, truy cập ngày 10/10/2016.
14. Thế hệ trẻ Media. 2013. "Ảnh tượng Cù Lao Dung", (tập 6, loạt ký sự truyền hình "Khám phá miền Tây"). <https://www.youtube.com/watch?v=rM0BAINrg0A&list=PLaLWL0w7qq9CZGhqdeQTMzlvR9VoLt9NS&index=6>, truy cập ngày 30/10/2016.

15. Tỉnh ủy Sóc Trăng. 2012. *Địa chí tỉnh Sóc Trăng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
16. Tống Xuân Tám, Lâm Hồng Ngọc, Phạm Thị Ngọc Cúc. 2014. *Nghiên cứu thành phần loài cá ở lưu vực hạ lưu sông Hậu thuộc tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng*. file:///C:/Users/TRUONG/Downloads/18282-62596-1-PB%20(1).pdf, truy cập ngày 30/10/2016, truy cập ngày 30/10/2016.
17. Trần Thị Mai. 1998. *Kinh tế Sóc Trăng thời Pháp thuộc 1867 - 1945*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
18. Trịnh Hoài Đức. 1972. *Gia Định thành thông chí*. Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản.
19. Tài liệu phỏng vấn
 - Phỏng vấn Mai Thị Viên, sinh năm 1948, tại tư gia ở ấp An Thường, xã An Thạnh 1; thời gian: từ 11h00 - 11h30 ngày 14/10/2016.
 - Phỏng vấn Nguyễn Thành Khương, sinh năm 1946, nguyên y tá địa phương quân huyện Long Phú, tại ấp Phú Hòa A, thị trấn Cù Lao Dung; thời gian: 9h00 - 11h00 ngày 22/3/2016.
 - Phỏng vấn Nguyễn Thanh Lâm, sinh năm 1946, tại tư gia ở ấp An Thường, xã An Thạnh 1; thời gian: 16h00 - 17h30 ngày 14/10/2016.
 - Phỏng vấn Nguyễn Văn Sáng, sinh năm 1933, tại tư gia ở ấp An Thường, xã An Thạnh 1; thời gian từ 17h30 đến 19h00 - phỏng vấn Võ Minh Thức, sinh năm 1951, tại khu gia mộ họ Võ Văn ở ấp An Thường, xã An Thạnh 1; thời gian: 16h00 - 17h30 ngày 28/7/2016.